

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 14264-1:2024

Xuất bản lần 1

**PHÚC LỢI ĐỘNG VẬT – CHĂN NUÔI –
PHẦN 1: TRÂU, BÒ**

Animal welfare – Livestock production –

Part 1: Buffalo and cattle

HÀ NỘI – 2024

Lời nói đầu

TCVN 14264-1:2024 do Cục chăn nuôi biên soạn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và công bố.

Phúc lợi động vật – Chăn nuôi – Phần 1: Trâu, bò

Animal welfare – Livestock production –

Part 1: Buffalo, cattle

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định bảo đảm phúc lợi động vật trong chăn nuôi trâu, bò (bao gồm cả bê, nghé).
Tiêu chuẩn này không áp dụng cho trâu, bò lấy sức kéo.

2 Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này sử dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau đây:

2.1

Phúc lợi động vật trong chăn nuôi (animal welfare in livestock production)

Những điều kiện tối ưu về chuồng trại, chế độ ăn uống, cách thức chăm sóc, nuôi dưỡng để bảo đảm vật nuôi được khỏe mạnh, thoải mái, an toàn, sinh trưởng và phát triển bình thường, được thể hiện tối đa tập tính tự nhiên của vật nuôi.

Phúc lợi động vật trong chăn nuôi cũng được hiểu là đối xử nhân đạo với vật nuôi trong chăn nuôi.

2.2

Tập tính tự nhiên của trâu, bò (natural behaviour of buffalo and cattle)

Các hoạt động bình thường của trâu, bò theo đặc điểm sinh lý, sinh sản như nhai lại, gặm cỏ, đứng, nằm, vẩy đuôi, đi lại, bày đàn, gầy hân, giao phối và đẻ con.

2.3

Nuôi nhốt (stall fed system)

Hình thức chăn nuôi mà phần lớn thời gian trâu, bò được nuôi giữ ở trong chuồng; trâu, bò được cung cấp thức ăn và nước uống tại chuồng.

2.4

Nuôi chăn thả (free ranging system)

Hình thức chăn nuôi trâu, bò mà phần lớn thời gian trâu, bò được chăn thả tự do ngoài khu vực nuôi nhốt để tìm kiếm thức ăn, thời gian nuôi nhốt không đáng kể hoặc trong trường hợp thời tiết khắc nghiệt.

2.5

Nuôi bán chăn thả (semi-grazing system)

Hình thức chăn nuôi kết hợp hình thức nuôi nhốt và hình thức nuôi chăn thả.

2.6

Làm chết nhân đạo (humane destruction)

Việc làm con vật mất ý thức nhanh chóng trước khi làm chết trong tình trạng bất tỉnh.

CHÚ THÍCH Làm chết nhân đạo trong quá trình chăn nuôi được áp dụng khi vật nuôi bị nhiễm dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm hoặc tình trạng dị dạng bẩm sinh, bị thương mà không thể cứu chữa được.

2.7

Thời tiết khắc nghiệt (extremes of weather)

Các điều kiện nhiệt độ và khí hậu riêng lẻ hoặc kết hợp (ví dụ như: mưa to, mưa đá, băng tuyết, gió bão, ẩm độ và nhiệt độ tăng hoặc giảm) có khả năng khiến trâu, bò bị sốc hoặc khó chịu, căng thẳng do quá nóng (trên 32°C) hoặc quá lạnh (dưới 10°C).

3 Nguyên tắc chung

Các cơ sở chăn nuôi, người chăn nuôi phải bảo đảm điều kiện để trâu, bò an toàn, khỏe mạnh, thoải mái, đủ dinh dưỡng để sinh trưởng, sinh sản và tự thể hiện được phần lớn các tập tính của chúng, phù hợp với điều kiện chăn nuôi đặc thù ở Việt Nam và hài hòa với quy định của quốc tế.

4 Các yêu cầu bảo đảm phúc lợi cho trâu, bò

4.1 Chuồng/trại nuôi trâu, bò

4.1.1 Vị trí chuồng/trại chăn nuôi được xây dựng tại nơi phù hợp để hạn chế được nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh từ khu giết mổ động vật, tránh các khu vực có cảnh báo nguy cơ ô nhiễm hóa học, phóng xạ, ngập lụt, sạt lở đất.

4.1.2 Chuồng phải bảo đảm khô ráo, thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông và có đủ ánh sáng tự nhiên, bổ sung thêm đèn chiếu sáng để thực hiện các hoạt động chăm sóc trâu, bò khi cần thiết.

4.1.3 Chuồng/trại được thiết kế, xây dựng bảo đảm an toàn sinh học, chắc chắn, không bị mưa dột, không có các vật nhọn, góc nhọn có thể làm xây xước, tổn thương trâu, bò.

- 4.1.4 Nền chuồng đảm bảo không bị trơn trượt, nên có độ dốc phù hợp để thoát chất thải lỏng, thuận lợi cho thu gom phân, chất độn chuồng.
- 4.1.5 Chuồng cần bố trí nơi thu gom chất thải đủ diện tích, thể tích, có mái che, được bố trí tách biệt tại vị trí phù hợp, bảo đảm hạn chế ô nhiễm.
- 4.1.6 Chuồng có thiết kế để trâu, bò dễ vận động và có cơ hội như nhau khi tiếp nhận thức ăn và nước uống.
- 4.1.7 Chuồng bảo đảm đủ không gian để trâu, bò có thể đứng, nằm, vầy đuôi, quay trở, vươn mình, và thể hiện bình thường các tập tính khác.
- 4.1.8 Đối với các trang trại quy mô vừa, trang trại quy mô lớn phải có khu vực cách ly để nuôi nhốt trâu, bò bị thương, bị bệnh cần chăm sóc đặc biệt hoặc trâu, bò mới chuyển từ cơ sở khác đến.

4.2 Thức ăn cho trâu, bò

- 4.2.1 Trâu, bò phải được cung cấp hoặc tiếp cận nguồn thức ăn hằng ngày .
- 4.2.2 Trâu, bò phải được tiếp nhận thức ăn có số lượng, chất lượng phù hợp với độ tuổi, tính biệt, khối lượng, thể trạng, nhu cầu liên quan đến giai đoạn sinh trưởng, mang thai, cho con bú, khai thác sữa, chế độ vận động; bổ sung dinh dưỡng cho trâu, bò khi bị bệnh hoặc gặp các điều kiện thời tiết khắc nghiệt.
- 4.2.3 Trâu, bò phải được tiếp nhận thức ăn (thức ăn thô xanh, thức ăn tinh, thức ăn bổ sung, thức ăn hỗn hợp) với thành phần cân bằng phù hợp với giai đoạn sinh trưởng, chế độ vận động, chế độ khai thác, điều kiện thời tiết và phương thức chăn nuôi. Thức ăn bổ sung phải nằm trong danh mục các loại thức ăn chăn nuôi được phép sử dụng.
- 4.2.4 Trâu, bò phải được tiếp nhận nguồn thức ăn an toàn, không có tồn dư với các chất cấm; tránh để trâu, bò tiếp cận với nguồn thức ăn bị ô nhiễm và hư hỏng, khu vực có loài thực vật có độc tính, khu vực chăn thả bị ô nhiễm có cảnh báo. Thức ăn cho trâu, bò dư thừa bị hư hỏng phải được loại bỏ hằng ngày.
- 4.2.5 Đối với trang trại bò sữa, cần kiểm tra thường xuyên chất lượng và số lượng thức ăn chăn nuôi bảo đảm nhu cầu sản xuất sữa.
- 4.2.6 Đối với trâu, bò nuôi chăn thả hoặc nuôi bán chăn thả: có giải pháp hiệu quả để ngăn ngừa trâu, bò chăn thả tiếp cận khu vực có cảnh báo bị ô nhiễm hóa học, khu vực sử dụng thuốc trừ sâu, khu vực giết mổ hoặc chôn lấp động vật bệnh và bãi rác sinh hoạt.

TCVN 14264-1:2024

4.3 Nước uống cho trâu, bò

4.3.1 Trâu, bò cần phải được cung cấp hoặc tiếp cận nguồn nước sạch hằng ngày.

4.3.2 Trâu, bò phải được uống nước tự do theo nhu cầu và phù hợp với độ tuổi, khối lượng, thể trạng, nhu cầu liên quan đến giai đoạn sinh trưởng, mang thai, cho con bú, khai thác sữa và trong các điều kiện thời tiết khắc nghiệt.

4.3.3 Đối với nông hộ, chất lượng nước cần được theo dõi thường xuyên bằng cảm quan nhằm phát hiện sớm các vấn đề vệ sinh ảnh hưởng đến sức khỏe trâu, bò.

4.3.4 Đối với trang trại có nguồn nước riêng, cần kiểm tra định kỳ 6 tháng/lần chất lượng nước để bảo đảm an toàn của nguồn nước uống sử dụng cho trâu, bò.

4.3.5 Trâu, bò nuôi nhốt phải được cung cấp nước đầy đủ và liên tục.

4.3.6 Nơi chứa nước trong các chuồng nuôi nhốt phải được vệ sinh hàng tuần.

4.3.7 Với trang trại nuôi nhốt, cần xác định nhu cầu về nước để thiết kế, xây dựng nguồn cấp nước bảo đảm yêu cầu hàng ngày và tổng lượng yêu cầu hàng năm, nhu cầu cao điểm.

4.3.8 Hệ thống cấp nước trong trang trại nuôi nhốt cần được kiểm tra và bảo trì bảo đảm cung cấp nước kịp thời, an toàn và hiệu quả.

4.3.9 Trâu, bò khi chăn thả phải có người giám sát hoặc có biện pháp để tránh rủi ro khi chúng tiếp cận nguồn nước không an toàn.

4.4 Quản lý sức khỏe trâu, bò

4.4.1 Trâu, bò phải được tiêm phòng đầy đủ các bệnh truyền nhiễm dựa trên đặc điểm dịch tễ tại từng địa phương theo khuyến cáo của cơ quan thú y.

4.4.2 Có biện pháp phòng, chống các loại bệnh ký sinh trùng cho trâu, bò; theo dõi và kiểm soát đối với các bệnh này.

4.4.3 Thuê hoặc tham vấn người có chuyên môn về thú y để chẩn đoán, phòng ngừa, điều trị bệnh kịp thời, hiệu quả khi trâu, bò bị bệnh hoặc bị thương.

4.4.4 Cần phải có khu vực chăm sóc đặc biệt cho trâu, bò bị thương hoặc bị ốm; đối với quy mô trang trại cần có khu vực cách ly riêng để điều trị, chăm sóc trâu, bò bị thương hoặc bị ốm.

4.4.5 Đối với trang trại quy mô vừa, trang trại quy mô lớn, trâu, bò khi vận chuyển từ cơ sở chăn nuôi khác về cần phải được nuôi cách ly tại khu vực riêng để theo dõi và chăm sóc hồi phục sức khỏe, bảo đảm an toàn sinh học, phòng các bệnh truyền nhiễm.

4.4.6 Sử dụng thuốc điều trị và phòng bệnh bằng vắc xin theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc hướng dẫn của cán bộ thú y và cần phải lưu giữ hồ sơ về tiêm phòng vắc xin và các phương pháp điều trị bệnh đã áp dụng ở trang trại.

4.4.7 Cần phối hợp với cơ quan có thẩm quyền khi tiến hành kiểm tra thú y trong trường hợp có trâu, bò chết không rõ nguyên nhân để đưa ra các biện pháp khắc phục và phòng ngừa thích hợp.

4.4.8 Trong trường hợp phải cho trâu, bò uống thuốc phòng trị bệnh, cần có biện pháp theo dõi cẩn thận bảo đảm trâu, bò được an toàn, tránh căng thẳng, tránh quá liều.

4.5 Yêu cầu về quản lý, chăm sóc

4.5.1 Yêu cầu chung

4.5.1.1 Cần có giải pháp hiệu quả để giảm thiểu những rủi ro trong quá trình chăn nuôi ảnh hưởng tới phúc lợi cho trâu, bò khi gặp thời tiết khác nghiệt; cần giảm thiểu các hoạt động dồn đàn, chuyển chuồng, hoạt động khác khi thời tiết quá nóng.

4.5.1.2 Bảo đảm trâu, bò có thể tiếp xúc trực tiếp với đồng loại của chúng để thể hiện bản năng và tập tính bầy đàn.

4.5.1.3 Có quy trình và thực hiện quy trình vỗ béo và chăm sóc trâu, bò phù hợp, bảo đảm mật độ nuôi thích hợp trong các trang trại nuôi vỗ béo.

4.5.1.4 Thực hiện chăm sóc, lùa dẫn nhẹ nhàng, khéo léo phù hợp với tập tính tự nhiên của trâu, bò để giảm thiểu căng thẳng trong quá trình chăm sóc.

4.5.1.5 Trong các trang trại chăn nuôi quy mô vừa, trang trại quy mô lớn chuyên về vỗ béo trâu, bò, cần xây dựng tần suất kiểm tra về nguồn cấp thức ăn, nước uống, độ tuổi gia súc, phân loại theo đàn, tình trạng mang thai, nguy cơ bệnh dịch, quy trình quản lý chăm sóc. Cần tuyển dụng hoặc thuê người có chuyên môn về chăn nuôi, thú y để hỗ trợ công tác quản lý, chăm sóc trâu, bò.

4.5.1.6 Trừ trường hợp khẩn cấp, không được nâng trâu, bò lên khỏi mặt đất.

4.5.1.7 Không tấn công, đánh đập, dồn đuổi trâu, bò trừ trường hợp bắt buộc phải thực hiện.

4.5.1.8 Không dùng roi điện trong mọi trường hợp.

4.5.1.9 Khi lùa dẫn đàn trâu, bò có số lượng lớn, cần sử dụng các dụng cụ hỗ trợ xử lý như gậy dài, cờ, lục lạc hoặc các vật tạo tiếng ồn

4.5.1.10 Trong quá trình di chuyển, cần cho trâu, bò được nghỉ ngơi hoặc cho di chuyển chậm lại nếu chúng có dấu hiệu đuối sức.

TCVN 14264-1:2024

4.5.1.11 Các vết thương phải được điều trị càng sớm càng tốt để ngăn ngừa nhiễm trùng hoặc ruồi, muỗi tấn công.

4.5.1.12 Trong trường hợp điều trị bệnh cho trâu, bò, cần có dụng cụ để hỗ trợ cố định trâu, bò; hạn chế tối đa việc ghi, buộc có thể gây tổn thương cho trâu, bò.

4.5.1.13 Tránh dùng dây giữ trâu, bò cố định trong thời gian dài; trường hợp dùng dây giữ trâu, bò phải bảo đảm dây buộc đủ dài để khi chúng vận động, ăn cỏ, dây buộc không bị vướng, kiểm tra tối thiểu một lần mỗi ngày; không buộc vào chân trâu, bò.

4.5.1.14 Quản lý, chăm sóc cần đảm bảo đối với trâu, bò sau phẫu thuật, bê và nghé mới sinh.

4.5.1.15 Cần tránh các hoạt động bất, lừa đàn trâu, bò không cần thiết khi thời tiết khắc nghiệt.

4.5.1.16 Khi đánh dấu cho trâu, bò cần phải chọn biện pháp để hạn chế gây đau đớn, căng thẳng.

4.5.2 Yêu cầu cho bê, nghé

4.5.2.1 Cần hỗ trợ kịp thời cho bê, nghé, trâu, bò bị thương.

4.5.2.2 Đối với phương thức nuôi tập trung, bê, nghé nên được cai sữa ở một khu vực thích hợp và an toàn, được làm quen với các thao tác chăm sóc, lừa dẫn thường xuyên.

4.5.2.3 Bê, nghé dưới 30 ngày tuổi chưa hoàn thiện tập tính nên dễ bị căng thẳng, cần được chăm sóc cẩn thận hơn.

4.5.2.4 Bê, nghé bị đẻ non, yếu và ít cơ hội sống sót cần được làm chết nhân đạo càng sớm càng tốt.

4.5.2.5 Bê ở cơ sở nuôi bò sữa phải được tách khỏi bò mẹ trước 12h sau khi sinh để giảm thiểu rủi ro lây nhiễm các bệnh truyền nhiễm từ mẹ sang con và tạo điều kiện để bê được uống đủ số lần, số lượng mỗi lần sữa đầu.

4.5.2.6 Bê ở cơ sở nuôi bò sữa sau khi tách khỏi bò mẹ, phải được nuôi dưỡng riêng, chăm sóc theo chế độ đặc biệt ở khu riêng biệt, trong từng cũi riêng.

4.5.3 Yêu cầu cho trâu, bò khai thác tinh

4.5.3.1 Đối với trâu đực giống, bò đực giống khi khai thác tinh cần có chế độ khai thác và chế độ dinh dưỡng bảo đảm nhu cầu của vật nuôi cho hoạt động này.

4.5.3.2 Sau khi khai thác tinh, trâu, bò đực giống cần có thời gian nghỉ ngơi để hồi phục sức khỏe.

4.5.4 Yêu cầu cho bò sữa

4.5.4.1 Cân bằng khẩu phần, chế độ dinh dưỡng cho bò sữa phù hợp với tuổi, giới tính, giai đoạn phát triển, năng suất sữa và chu kỳ vắt sữa.

4.5.4.2 Bò sữa phải nghỉ ngơi, thư giãn (được tắm, quạt mát nếu có nắng nóng), làm vệ sinh bầu vú trước khi vắt sữa. Sau khi vắt sữa, bò cần được cung cấp sớm thức ăn, nước uống.

4.5.4.3 Có quá trình huấn luyện để bò sữa làm quen với quy trình vắt sữa bằng máy ở các trang trại chăn nuôi bò sữa.

4.5.4.4 Bò sữa được vắt sữa từ 2 đến 3 lần/ngày với kỹ thuật, dụng cụ và thiết bị thích hợp.

4.5.4.5 Người vắt sữa cần có kỹ thuật, kỹ năng vắt sữa để bò được thoải mái khi vắt sữa, tránh các hành động gây đau đớn, căng thẳng, khó chịu, tổn thương hoặc gây bệnh cho bò sữa.

4.5.4.6 Các loại máy móc và thiết bị vắt sữa cần được vệ sinh, kiểm tra hàng ngày. Có lịch bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên tránh làm tổn thương vú bò trong quá trình vắt.

4.5.4.7 Cần phát hiện sớm và điều trị kịp thời, hiệu quả đối với bệnh viêm móng, viêm vú.

4.5.4.8 Đối với trang trại quy mô lớn, cần đánh giá, kiểm tra và cắt móng định kỳ.

4.5.4.9 Đối với các trang trại, cần có chiến lược/kế hoạch quản lý bệnh viêm vú với phương án thực hành chăm sóc, phòng ngừa, phát hiện sớm và điều trị hiệu quả.

4.5.4.10 Phải xây dựng, lập hồ sơ và thực hiện các quy trình quản lý tổng hợp thường xuyên để giảm rủi ro từ stress nhiệt.

4.5.4.11 Trong trường hợp cần thiết phải cắt sừng/khử sừng, loại bỏ các núm vú thừa, quy trình này phải được thực hiện an toàn và hợp vệ sinh, tránh gây căng thẳng, đau đớn cho bò sữa.

4.5.5 Yêu cầu cho trâu, bò sinh sản

4.5.5.1 Thực hiện đúng phương pháp khi phối giống nhân tạo cho trâu, bò để giảm thiểu đau đớn, hoặc gây thương tổn cho trâu, bò. Người thực hiện phối giống nhân tạo cho trâu, bò phải được đào tạo chuyên môn về thụ tinh nhân tạo;

4.5.5.2 Trâu, bò cái trước khi được phối giống nhân tạo phải được cố định trong khung giống chắc chắn để giảm thời gian phối tinh, giảm căng thẳng cho trâu, bò.

4.5.5.3 Trâu, bò trong quá trình đẻ cần phải kiểm tra thường xuyên để có phương án hỗ trợ và can thiệp khi cần. Bê/ghé sau khi sinh cần được đưa đến khu vực khô ráo và cho uống sữa đầu trong vòng 1h sau sinh.

TCVN 14264-1:2024

4.5.5.4 Trâu, bò chửa trong giai đoạn 4-6 tuần của thai kỳ cần được chăm sóc phù hợp với đặc điểm, tập tính để giảm căng thẳng.

4.5.5.5 Cần tránh các hoạt động làm xáo trộn đàn trâu, bò trừ khi cần hỗ trợ trong quá trình đẻ.

4.5.5.6 Có tiêu chí cụ thể để lựa chọn bò cái nền sinh sản nhằm phòng ngừa trước những rủi ro khi sinh đẻ: lựa chọn bò cái đủ tuổi, đủ khối lượng để phối giống; tránh cho giao phối bò cái hậu bị với bò đực có kích thước cơ thể quá lớn; đối với bò cái đang mang thai cần điều chỉnh khẩu phần ăn phù hợp nhu cầu.

4.5.5.7 Trâu, bò bị thương nặng trong quá trình đẻ hoặc bị ảnh hưởng bởi hậu quả xấu nghiêm trọng (sa tử cung, không thể bỏ bê/nghé) cần được điều trị khẩn cấp hoặc được làm chết nhân đạo.

4.5.5.9 Thể trạng của trâu, bò sinh sản cần được xem xét khi quyết định thời điểm cai sữa cho bê, nghé.

Thư mục tài liệu tham khảo

[1] TCVN 12448:2018 (ISO/TS 34700:2016), *Quản lý phúc lợi động vật – Yêu cầu chung và Hướng dẫn các tổ chức trong chuỗi cung ứng thực phẩm*

[2] TCVN 13904-1:2023, *Phúc lợi động vật - Vận chuyển - Phần 1: Trâu, bò.*

[3] TCVN 13905-1:2023, *Phúc lợi động vật - Giết mổ.*

[4] Australian Animal Welfare Standards and Guidelines for Cattle (Version 1.0 January 2016 Endorsed).

[5] Model Code of Practice for the Welfare of Animal - Farmed Buffalo (Australia, 2003).

[6] Section 7. Animal Welfare (2018 OIE - Terrestrial Animal Health Code).

[7] RSPCA welfare standards for dairy cattle (2018 – UK).